

Bản án số: 02/2021/DSST

Ngày: 15-01-2021

V/v Tranh chấp **hợp đồng vay tài sản**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Khoa
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2020/TLST-DS ngày 07-10-2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-DS ngày 17-12-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-DS ngày 31-12-2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lâm Huy H, sinh năm 1948 (vắng mặt) và bà Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1945 (vắng mặt).

Địa chỉ: 55 Trịnh Hoài Đức, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Lâm Huy H và bà Nguyễn Ngọc H1 ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Khuất Thị Diễm H2, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: 11/10 Cô Bắc, phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Theo giấy ủy quyền lập ngày 10/8/2020 tại Văn phòng công chứng Lê Thanh Bình, số 10 Lê Chân, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Phương D - sinh năm 1967 (có mặt) và Trương Đức P, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố Kim Sơn, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI D VỤ ÁN:

[1]. *Tại đơn khởi kiện ngày 10-8-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Khuất Thị Diễm H2 trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 10-4-2020 vợ chồng ông Lâm Huy H và bà Nguyễn Ngọc H1 có cho vợ chồng bà Trần Thị Phương D và ông Trương Đức P vay số tiền là 117.800.000 đồng. Khoản vay có lập giấy ghi nợ ngày 10-4-2020, không thỏa thuận lãi vay và không có thời hạn vay. Tuy nhiên bên ngoài vợ chồng bà D có thỏa thuận sẽ trả lãi hàng tháng, nếu vi phạm thì ông H bà H1 có quyền đòi lại tiền. Thế nhưng tính đến nay đã hơn 4 tháng kể từ ngày vay tiền vợ chồng bà D không trả lãi, mặc dù ông H bà H1 đã nhiều lần đến nhà đòi, vì vậy ông H bà H1 khởi kiện ra Tòa yêu cầu vợ chồng bà D ông P hoàn trả số nợ 117.800.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định tính từ ngày vay đến nay.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông H bà H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu là buộc vợ chồng bà Trần Thị Phương D và ông Trương Đức P phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền là 117.800.000 đồng và tiền lãi theo quy định tính từ thời điểm khởi kiện.

[2]. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-11-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Phương D và ông Trương Đức P trình bày:

Vợ chồng bà và vợ chồng ông H bà H1 có quan hệ quen biết với nhau. Từ năm 2017, vợ chồng ông bà có vay của ông Lâm Huy H và bà Nguyễn Ngọc H1 số tiền là 40.000.000 đồng, có viết giấy tay do ông H giữ. Lãi suất thỏa thuận 3.200.000 đồng/tháng, tức là 8%/th. Vợ chồng bà đã trả lãi được một thời gian kể từ khi vay cho đến năm 2018, năm 2018 có tháng trả đủ lãi có tháng không trả đủ nên ông H đều cộng số lãi vào vốn. Cuối năm 2019 vợ chồng bà có trả được 20.000.000 đồng nhưng ông H trừ vào tiền lãi và năm 2019 ông H giảm lãi còn 6%/tháng. Đến ngày 10/4/2020 ông H tính tổng cộng gốc và lãi là 117.800.000 đồng và yêu cầu vợ chồng bà ký giấy xác nhận nợ, bà D ông P xác nhận giấy ghi nợ ngày 10/4/2020 do vợ chồng bà ký tên.

Việc trả lãi cho vợ chồng ông H như nêu trên là có thật nhưng vợ chồng bà không có chứng cứ gì chứng minh việc đã trả lãi và việc ông H cộng dồn lãi vào tiền gốc. Theo bà D thì do vợ chồng bà đã ký giấy ghi nợ ngày 10-4-2020 nên chấp nhận sẽ hoàn trả cho vợ chồng ông H số tiền là 117.800.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh của gia đình rất khó khăn nên bà D xin trả dần làm 4 đợt, cụ thể: Trả 25.000.000 đồng vào cuối năm 2020, phần còn lại chia làm 3 đợt nữa, cứ 3 tháng trả 25.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Đối với phần tiền lãi bà D đề nghị ông H xóa bỏ vì thực chất trong số tiền trên đã có tiền lãi. Riêng ông P thì không đồng ý trả nợ vì cho rằng trong số nợ 117.800.000 đồng chỉ có 40.000.000 đồng là tiền gốc còn lại là tiền lãi.

[3]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại BLTTDS về thẩm quyền thụ lý, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông thụ lý cho

Viện kiểm sát và các đương sự. Về thời hạn giải quyết vụ án là đúng với quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Về tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Phương D và ông Trương Đức P hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 117.800.000 đồng và lãi suất đối với khoản vay cho đến khi thanh toán xong. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch về khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hoàn trả số tiền 117.800.000 đồng, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thành phố Bà Rịa. Như vậy, tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp **hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Huy H và bà Nguyễn Ngọc H1:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên ngày 10-4-2020 vợ chồng ông Lâm Huy H bà Nguyễn Ngọc H1 có cho vợ chồng ông Trương Đức P bà Trần Thị Phương D vay số tiền 117.800.000 đồng, hai bên lập giấy ghi nợ cùng ngày xác nhận số tiền vay. Giấy ghi nợ có chữ ký xác nhận của ông Trương Đức P bà Trần Thị Phương D.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà D ông P xác nhận giấy ghi nợ ngày 10-4-2020 là do vợ chồng ông bà ký tên xác nhận người vay tiền. Tuy nhiên theo bà D và ông P thì tổng số nợ gốc vợ chồng ông bà đã vay của ông H bà H1 không phải là 117.800.000 đồng mà thực chất số tiền này bao gồm cả tiền lãi do ông H cộng dồn vào và yêu cầu vợ chồng ông bà ký giấy vay tiền. Sở dĩ vợ chồng ông bà ký giấy ghi nợ ngày 10-4-2020 là vì sợ ông H làm phiền gia đình bà. Ngoài ra, trong quá trình vay tiền, vợ chồng bà đã thanh toán tiền lãi nhiều lần cho ông H nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Qua xem xét lời khai của hai bên đương sự, đối chiếu với chứng cứ là giấy ghi nợ ngày 10-4-2020 do nguyên đơn cung cấp thì thấy: Các đương sự đều

xác nhận giữa hai bên có quan hệ vay mượn tiền với nhau. Bà D ông P khai chỉ vay 40.000.000 đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn cho rằng cho vay một lần với số tiền là 117.800.000 đồng thể hiện tại giấy ghi nợ ngày 10-4-2020. Như vậy, giữa các đương sự có tranh chấp về số tiền nợ gốc. Căn cứ vào chứng cứ là giấy ghi nợ ngày 10-4-2020 có chữ ký xác nhận của ông P bà D thì có cơ sở để khẳng định lời khai của nguyên đơn ông H bà H1 là phù hợp. Ông P bà D ký giấy ghi nợ là đồng ý xác nhận số nợ với ông H bà H1 nên vợ chồng bà D ông P phải chịu trách nhiệm đối với số nợ này. Ông P bà D cho rằng ký giấy ghi nợ theo yêu cầu của ông H và ông bà chỉ mượn của ông H 40.000.000 đồng tiền gốc nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định quan hệ vay tiền giữa vợ chồng bà D ông P và ông Lâm Huy H là có thật và số tiền vay là 117.800.000 đồng đúng như lời trình bày của ông H.

Xét thấy, giấy ghi nợ ngày 10-4-2020 không xác định thời hạn trả nợ nên căn cứ theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự nguyên đơn có quyền đòi nợ và phải báo cho bị đơn biết trước một thời gian hợp lý. Nguyên đơn ông H khẳng định đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông P bà D trả nợ nhưng không thực hiện nên ông mới khởi kiện ra Tòa, bà D ông P cũng thừa nhận ông H đòi nợ nhiều lần nhưng vì khó khăn nên vợ chồng bà chưa trả được nợ. Như vậy, nguyên đơn ông H đã báo trước việc đòi nợ một thời gian hợp lý, vợ chồng ông P bà D không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở do đó cần tuyên buộc vợ chồng ông P bà D phải có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông H bà H1 số tiền gốc là 117.800.000 đồng.

[3]. Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông Lâm Huy H và bà Nguyễn Ngọc H1:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc ông P bà D chưa hoàn trả là 117.800.000 đồng, tính từ ngày ký giấy ghi nợ 10-4-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy giấy ghi nợ ngày 10-4-2020 không xác định thời hạn trả nợ và không có lãi suất, tuy nhiên bị đơn cho rằng hợp đồng vay có lãi. Trường hợp này được xác định là có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định rõ lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi và lãi suất được áp dụng bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468, cụ thể là mức lãi suất được tính để buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn là 10%/năm, tức là 0,83%/tháng.

Lãi suất tính từ ngày 10-4-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 15-01-2021 là 09 tháng 05 ngày:

$$117.800.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 8.962.000 \text{ đồng.}$$

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi vợ chồng ông P bà D phải thanh toán cho ông H bà H1 là 126.762.000 đồng.

Từ những phân tích và nhận định trên cần tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Huy H và bà Nguyễn Ngọc H1, buộc bà Trần Thị Phương D và ông Trương Đức P phải hoàn trả cho ông H bà H1 tổng số tiền 126.762.000 đồng, trong đó nợ gốc là 117.800.000 đồng và tiền lãi là 8.962.000 đồng.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, [điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự](#).

- Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Huy H và bà Nguyễn Ngọc H1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Trần Thị Phương D và ông Trương Đức P.

Buộc bà Trần Thị Phương D và ông Trương Đức P có trách nhiệm thanh toán cho ông Lâm Huy H và bà Nguyễn Ngọc H1 số nợ là 126.762.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 117.800.000 đồng và tiền lãi là 8.962.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H1nh án, H1ng tháng bên phải thi H1nh án còn phải trả cho bên được thi H1nh án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi H1nh án.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Phương D và ông Trương Đức P phải nộp 6.338.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi H1nh án dân sự; Thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H1nh án dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15-01-2021), các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Anh